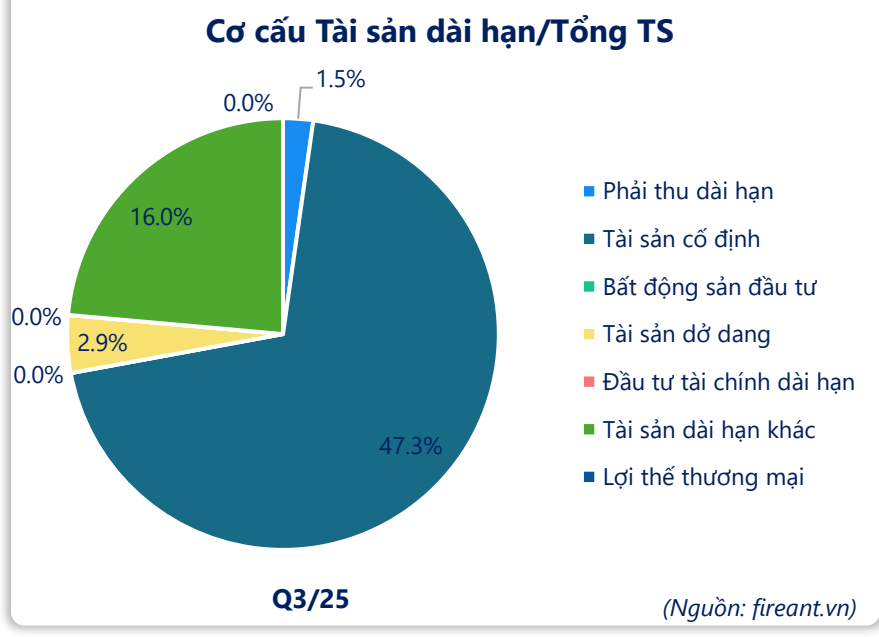
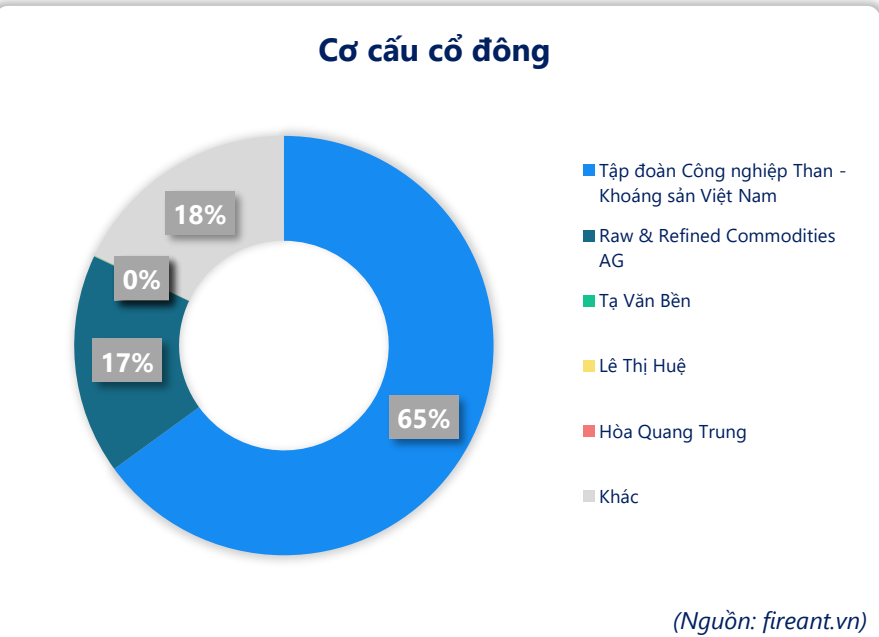
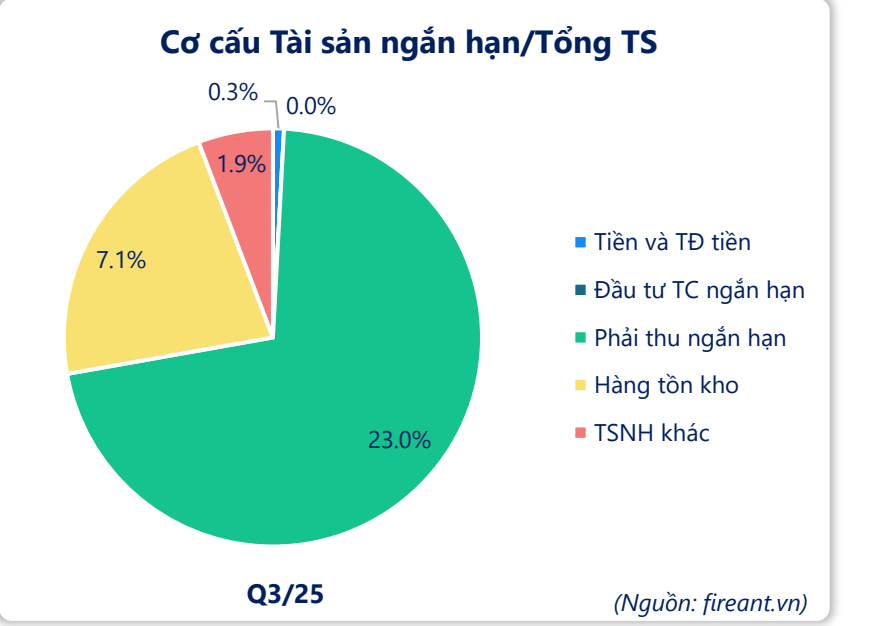
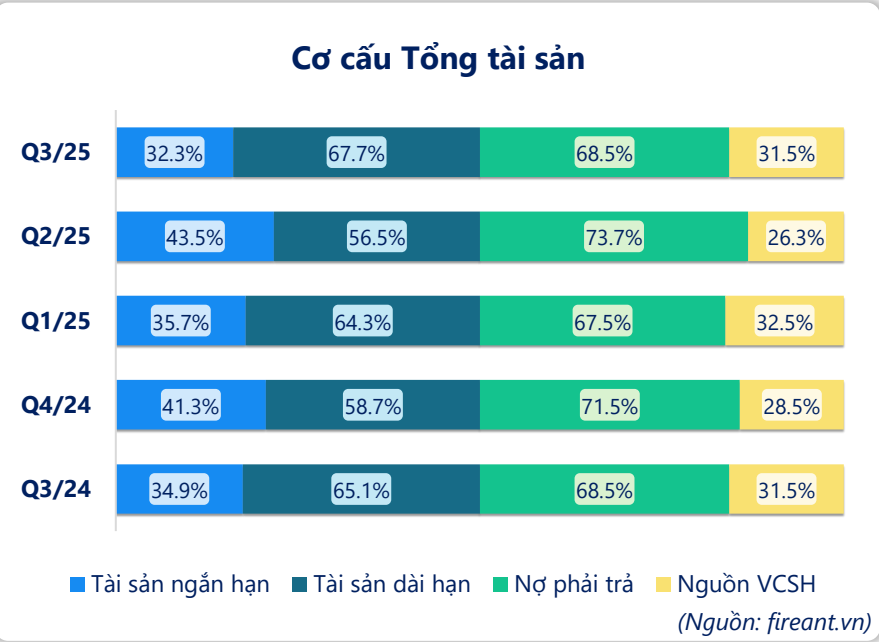
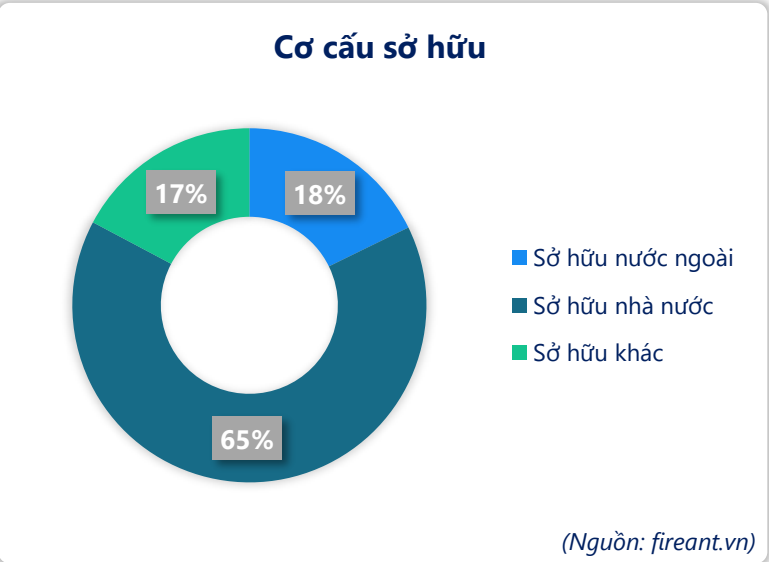
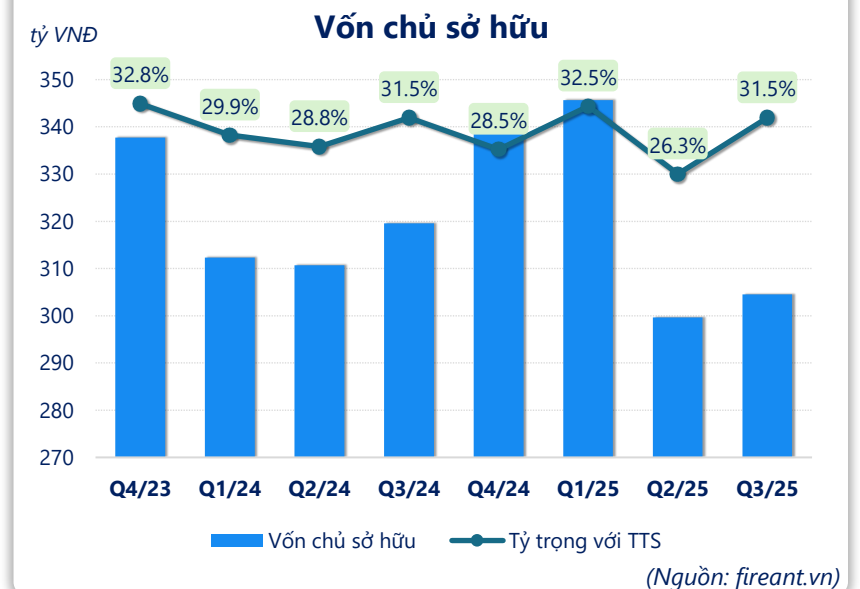
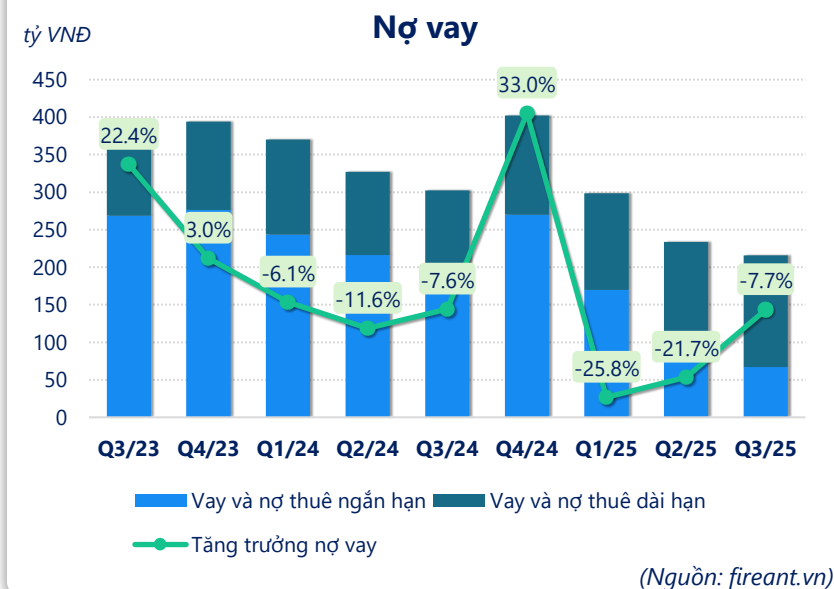
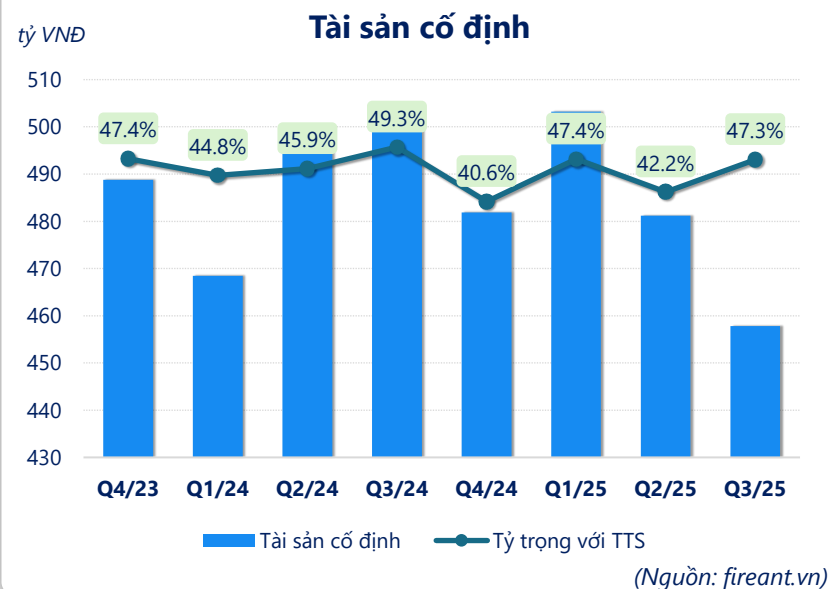
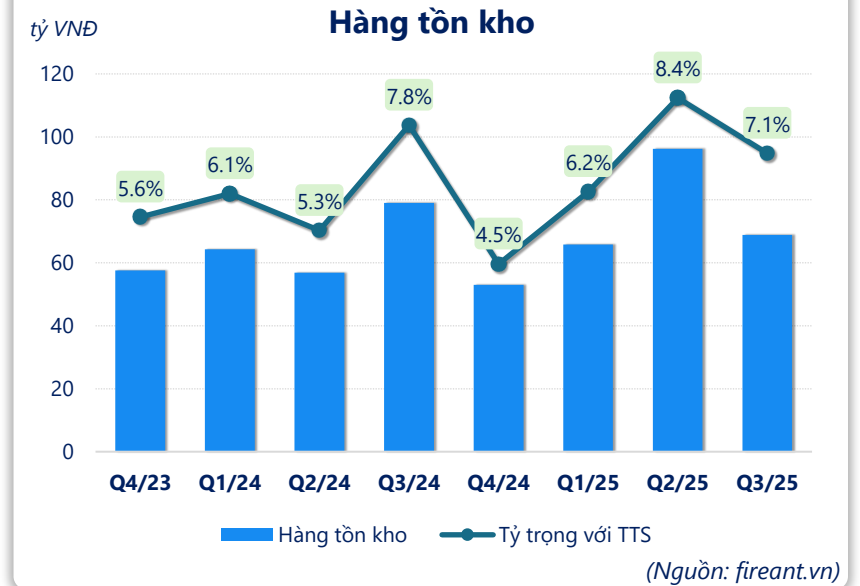
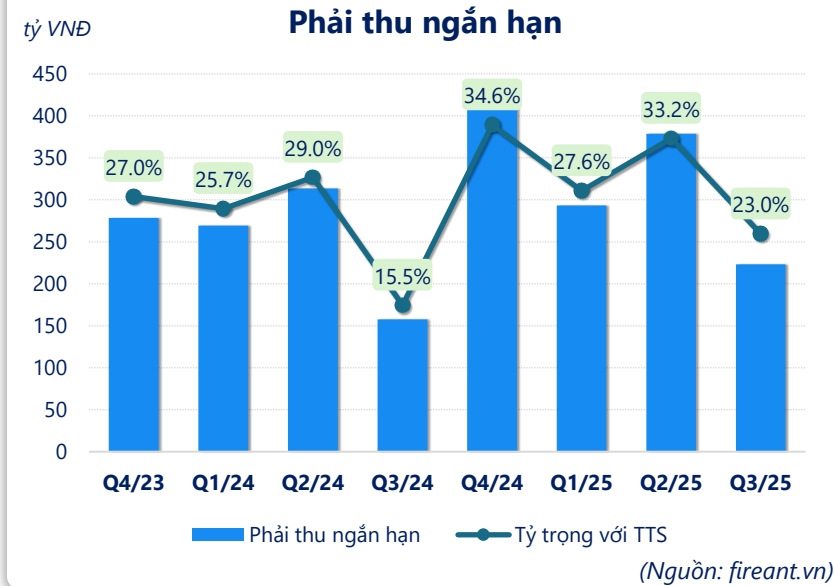
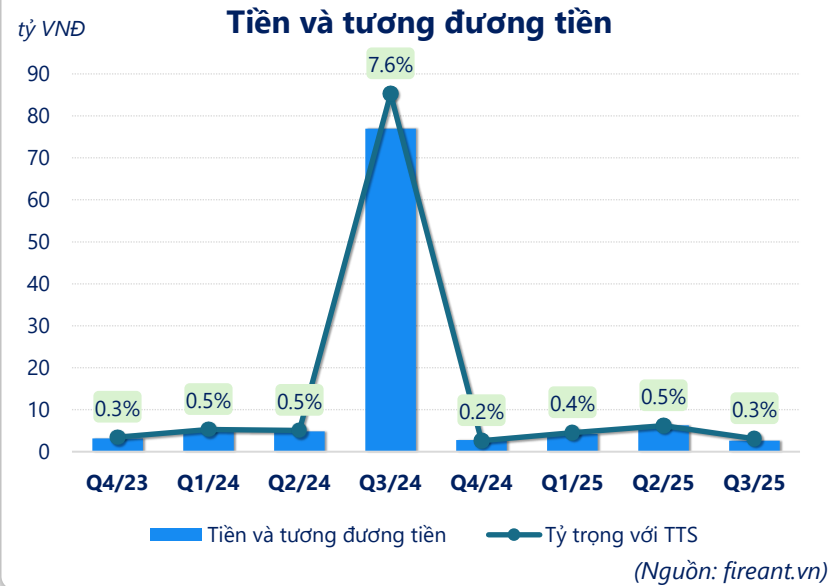
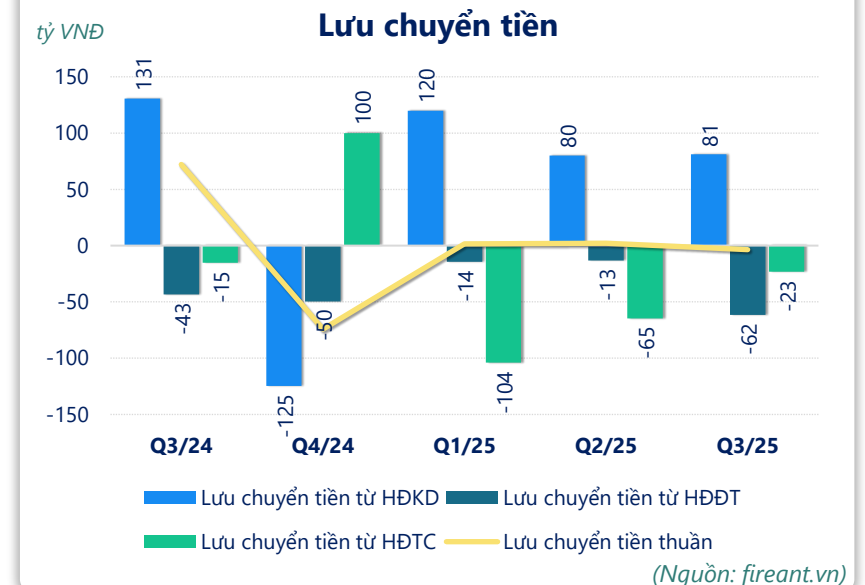
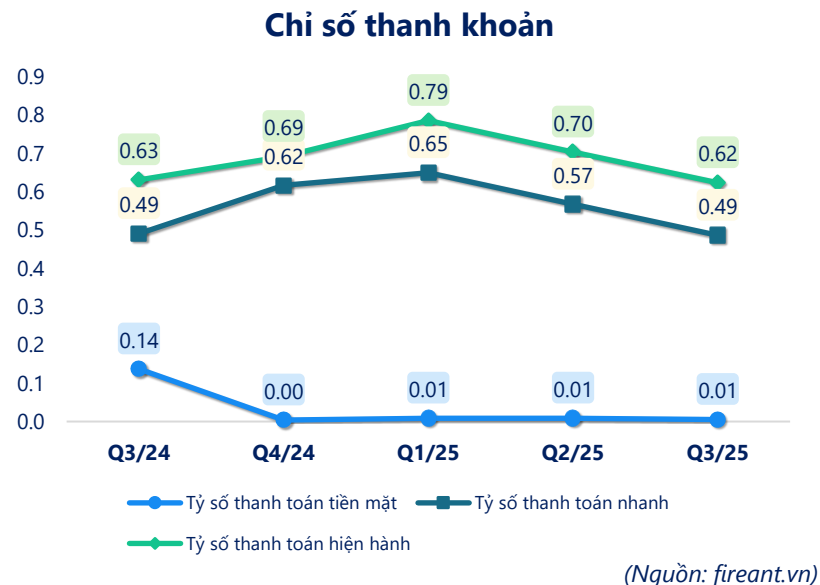
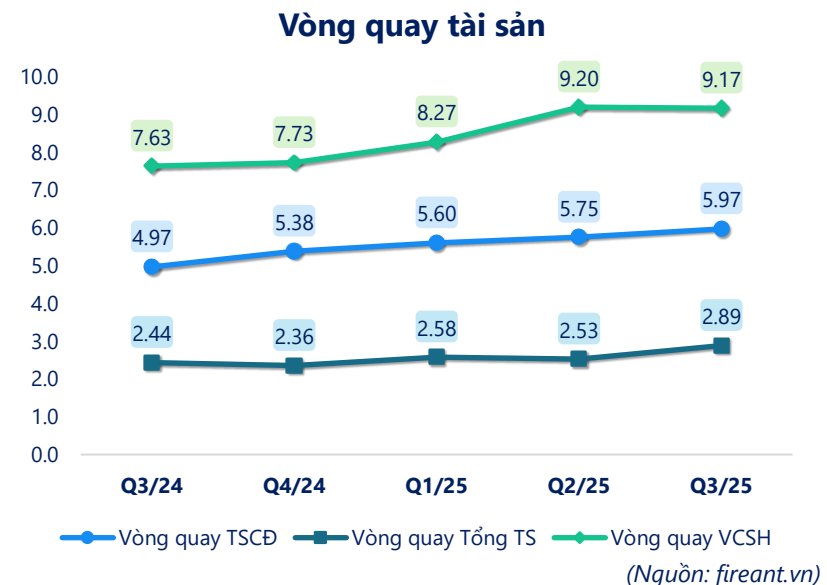
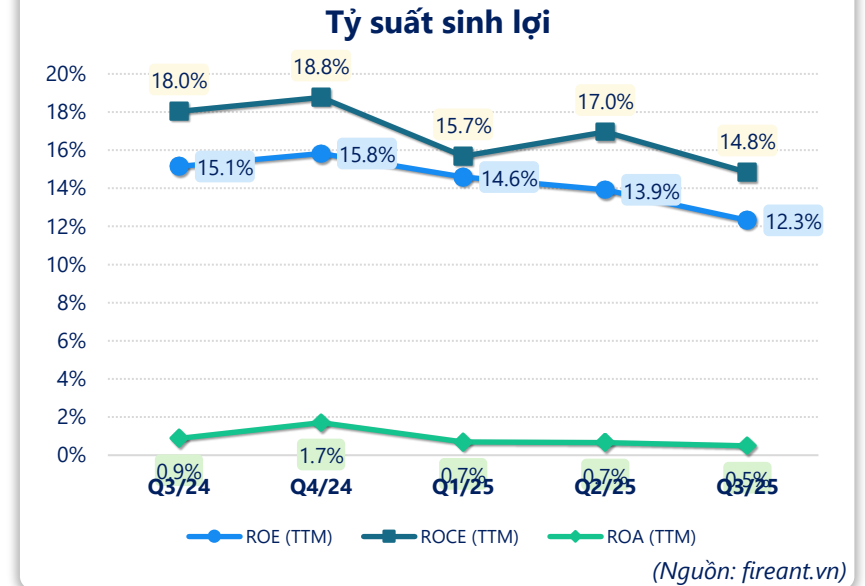
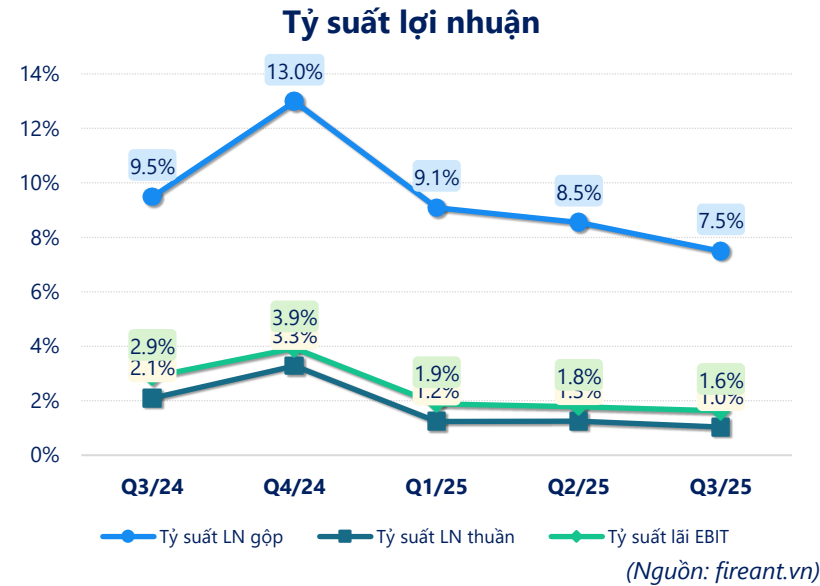
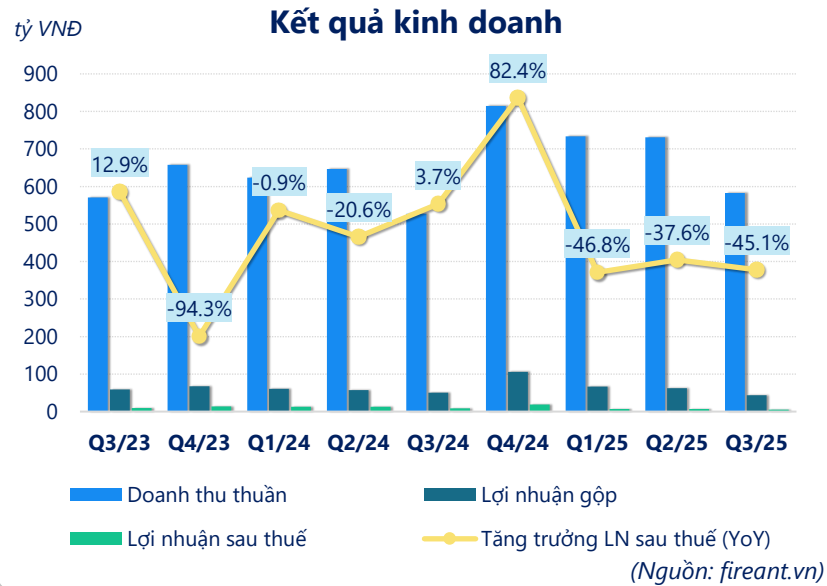


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,105
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,083
SL cổ phiếu LH		21,418,346
KLGD BQ 20 phiên (CP)		9,110
% sở hữu nước ngoài		17.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		212
P/E		5.5
EPS		1,795

	YTD	1T	3T	6T
MDC	6.8%	-2.0%	-3.0%	-22.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	968	1,186	-18.4%
Tài sản ngắn hạn	313	490	-36.2%
Tiền và tương đương tiền	2.66	2.76	-3.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	223	411	-45.7%
Hàng tồn kho	68.8	53.1	29.6%
Tài sản ngắn hạn khác	18.1	23.3	-22.5%
Tài sản dài hạn	655	696	-5.9%
Phải thu dài hạn	14.7	20.9	-29.4%
Tài sản cố định	458	482	-5.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	28.2	33.0	-14.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	155	161	-3.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	664	848	-21.7%
Nợ ngắn hạn	502	708	-29.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	67.1	270	-75.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	243	175	38.6%
Nợ dài hạn	162	140	15.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	149	133	12.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	305	338	-10.0%
Vốn chủ sở hữu	305	338	-10.0%
Vốn điều lệ	214	214	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	527	814	734	731	583
Giá vốn hàng bán	477	709	667	669	539
Lợi nhuận gộp	50.0	106	66.7	62.5	43.6
Doanh thu HĐTC	0.02	0.40	0.02	0.28	0.03
Chi phí TC	3.99	4.62	4.64	3.68	3.37
Chi phí lãi vay	3.99	4.62	4.64	3.68	3.37
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.99	3.88	4.03	4.41	4.72
Chi phí QLDN	32.0	70.9	48.9	45.5	29.5
LN thuần từ HĐKD	11.0	26.7	9.10	9.16	6.02
Lợi nhuận khác	0.18	0.65	0.06	0.18	0.10
LN trước thuế	11.2	27.4	9.16	9.34	6.13
Lợi nhuận sau thuế	8.91	18.9	7.31	7.33	4.87
LNST của CĐ cty mẹ	8.91	18.9	7.31	7.33	4.87

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	131	-125	120	79.9	81.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-43.5	-49.5	-14.4	-13.2	-61.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-15.1	99.9	-104	-64.7	-23.1
Tiền đầu kỳ	4.87	76.9	2.76	4.26	6.26
Lưu chuyển tiền thuần	72.1	-74.2	1.50	2.00	-3.60
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	76.9	2.76	4.26	6.26	2.66

(Nguồn: fireant.vn)